

Số: /KH-ĐGS

Cà Mau, ngày tháng 3 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Giám sát kết quả triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Thành lập Đoàn giám sát kết quả triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Đoàn giám sát);

Đoàn giám sát xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện, như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Đánh giá toàn diện việc tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Chương trình); đánh giá làm rõ những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân (khách quan, chủ quan); những kinh nghiệm rút ra từ công tác xây dựng nông thôn mới đã qua.

Phát hiện, kiến nghị cấp thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách; khắc phục những tồn tại, hạn chế; điều chỉnh, xử lý những vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất những biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

##### 2. Yêu cầu

Tổ chức giám sát đúng quy định của pháp luật, đảm bảo thiết thực, hiệu quả; thực hiện theo tiến độ và nội dung kế hoạch đề ra.

Các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát báo cáo, cung cấp thông tin đầy đủ theo yêu cầu của Đoàn giám sát, giải trình những vấn đề Đoàn quan tâm. Đoàn giám sát xem xét, đánh giá đầy đủ, trung thực, khách quan nội dung giám sát và tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả giám sát, đề xuất giải pháp, kiến nghị khả thi gửi đến Thường trực HĐND và báo cáo HĐND tỉnh xem xét tại kỳ họp giữa năm 2023.

#### II. ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC GIÁM SÁT

##### 1. Đối tượng giám sát

- Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; Sở Giao thông - Vận tải; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài nguyên và Môi trường; Công an tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và UBND 02 xã của mỗi huyện, thành phố.

## **2. Hình thức giám sát**

### *a) Giám sát trực tiếp*

Đoàn giám sát làm việc trực tiếp với 14 đơn vị và khảo sát thực tế một số nơi trên địa bàn (*khi cần thiết*), gồm:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban nhân dân các huyện: Thới Bình, Trần Văn Thời, Ngọc Hiển, Phú Tân;

- UBND 02 xã của mỗi huyện nêu trên, cụ thể: Trí Lực, Thới Bình (*huyện Thới Bình*); Khánh Bình, Khánh Hải (*huyện Trần Văn Thời*); Tân Ân Tây, Tân Ân (*huyện Ngọc Hiển*); Tân Hải, Nguyễn Việt Khái (*huyện Phú Tân*).

### *b) Giám sát gián tiếp*

Xem xét báo cáo của 23 đơn vị, gồm:

- Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; Sở Giao thông - Vận tải; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài nguyên và Môi trường; Công an tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

- Ủy ban nhân dân các huyện: Đầm Dơi, Cái Nước, Năm Căn, U Minh, thành phố Cà Mau;

- UBND 02 xã của mỗi huyện, thành phố Cà Mau gồm: Tân Dân, Trần Phán (*huyện Đầm Dơi*); Phú Hưng, Đông Hưng (*huyện Cái Nước*); Hàng Vịnh, Lâm Hải (*huyện Năm Căn*); Khánh An, Khánh Thuận (*huyện U Minh*); Tắc Vân, Hòa Tân (*thành phố Cà Mau*).

## **III. NỘI DUNG GIÁM SÁT**

Việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2023, tập trung vào một số nội dung chủ yếu:

- Công tác triển khai, thực hiện các quy định của Trung ương, ban hành quy định của địa phương, văn bản chỉ đạo, điều hành có liên quan về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

- Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh thời gian qua;

- Tình hình triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh thời gian tới;

- Đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Nguyên nhân của kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, bất cập; đề xuất giải pháp, phương hướng giải quyết các tồn tại, hạn chế trong thời gian tới.

Nội dung giám sát cụ thể theo đề cương và phụ lục của Đoàn giám sát gửi kèm theo Kế hoạch này.

#### **IV. THÀNH PHẦN VÀ THỜI GIAN GIÁM SÁT**

##### **1. Thành phần Đoàn giám sát**

- Thành viên Đoàn giám sát theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Cà Mau:

+ Ông Dương Huỳnh Khải, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng đoàn;

+ Ông Nguyễn Phương Đông, Trưởng Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh, Phó Trưởng đoàn;

+ Bà Vũ Hồng Như Yến, Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, Phó Trưởng đoàn;

+ Trưởng Ban Pháp chế HĐND tỉnh, thành viên;

+ Phó Trưởng các Ban HĐND tỉnh, thành viên;

+ Một số đại biểu HĐND tỉnh, thành viên;

+ Mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, thành viên;

+ Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Trưởng đoàn sẽ xem xét quyết định bổ sung thành phần tham gia Đoàn giám sát để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

- Mời tham gia Đoàn giám sát:

+ Đại diện lãnh đạo các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông - Vận tải; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng; Tài chính.

+ Đại diện Tổ đại biểu HĐND tỉnh đơn vị huyện, thành phố tham gia khi Đoàn giám sát trực tiếp tại địa bàn;

+ Đại diện Thường trực HĐND huyện, thành phố tham gia khi Đoàn giám sát trực tiếp tại địa bàn;

+ Phóng viên Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau, Báo Cà Mau dự, đưa tin.

- Tổ tham mưu, giúp việc tổng hợp:

+ Phó Trưởng Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;

+ Lãnh đạo Phòng Công tác HĐND thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;

+ Chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

## **2. Thời gian giám sát**

Dự kiến tổ chức giám sát trong tháng 4 và tháng 5 năm 2023. Thành phần, thời gian và địa điểm giám sát, làm việc cụ thể, Đoàn giám sát sẽ có thông báo sau.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Triển khai công tác chuẩn bị**

- Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn giám sát xây dựng và ban hành Kế hoạch giám sát chi tiết, Đề cương gợi ý để các cơ quan chịu sự giám sát báo cáo, để triển khai thực hiện giám sát.

- Đoàn giám sát gửi công văn yêu cầu các sở, ngành, đơn vị có liên quan cử thành viên tham gia Đoàn; yêu cầu cơ quan, đơn vị chịu giám sát gửi báo cáo.

- Các đơn vị được giám sát xây dựng báo cáo theo Đề cương được gửi kèm theo Kế hoạch này; gửi báo cáo chính thức bằng văn bản về Đoàn giám sát (qua Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh) **trước ngày 30 tháng 03 năm 2023**; đồng thời, gửi file word qua hộp thư điện tử: [thanhmongcamau@gmail.com](mailto:thanhmongcamau@gmail.com) để phục vụ Đoàn giám sát. Khi Đoàn đến giám sát trực tiếp, các cơ quan, đơn vị chuẩn bị tài liệu và cung cấp thông tin có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề Đoàn giám sát đặt ra. Khi xây dựng báo cáo, nếu có vấn đề vướng mắc, xin liên hệ ông Nguyễn Phương Đông, Trưởng Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh - Phó Trưởng Đoàn giám sát, số điện thoại 0913.724.116 hoặc ông Nguyễn Đức Tiến, Phó Trưởng Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh, số điện thoại 0919.326.711 để trao đổi, thống nhất.

- Đoàn giám sát thông báo về thành phần, thời gian, địa điểm làm việc cụ thể đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để chuẩn bị theo yêu cầu giám sát.

- Đơn đốc cơ quan chịu giám sát gửi báo cáo; tiếp nhận, nghiên cứu báo cáo, tài liệu của các cơ quan gửi Đoàn giám sát, yêu cầu báo cáo bổ sung (nếu cần thiết).

- Tổng hợp văn bản nguồn, dữ liệu, thông tin liên quan đến chuyên đề giám sát; chuẩn bị tài liệu phục vụ Đoàn giám sát. Chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cho Đoàn giám sát thực hiện Kế hoạch giám sát.

- Trưởng Đoàn tổ chức họp triển khai những yêu cầu chung, hoạt động của Đoàn và phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên; định hướng nội dung công tác tuyên truyền về hoạt động giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh.

### **2. Tổ chức hoạt động giám sát (tháng 4 và tháng 5 năm 2023)**

- Tiếp nhận thông tin, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng nông thôn mới.

- Đoàn giám sát làm việc trực tiếp với một số đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chuyên đề giám sát. Ngoài ra, khi cần nắm thêm thông tin, Đoàn sẽ khảo sát thực tế một số địa phương, đơn vị (Đoàn có thông báo sau).

- Thành viên Đoàn giám sát chủ động nghiên cứu báo cáo, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát để có ý kiến tại buổi làm việc; tham gia đầy đủ các cuộc làm việc của Đoàn; có báo cáo nhận xét, đánh giá về nội dung giám sát được

phân công và đóng góp cho báo cáo kết quả giám sát của Đoàn. Các tài liệu phục vụ giám sát được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh, địa chỉ: *hdnd.camau.gov.vn*, mục: *Tài liệu giám sát, thăm tra/ Hội đồng giám sát*.

- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chuẩn bị các điều kiện (*kinh phí và bố trí phương tiện, phục vụ*) đảm bảo thực hiện kế hoạch của Đoàn giám sát theo quy định. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu, tạo điều kiện phục vụ hoạt động giám sát theo kế hoạch này.

### **3. Tổng hợp, xây dựng báo cáo, thông qua kết quả giám sát (trong tháng 6 năm 2023)**

- Đoàn giám sát tổng hợp và xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát.
- Tổ chức các cuộc họp đề thành viên Đoàn giám sát đóng góp ý kiến thống nhất dự thảo báo cáo.
- Đoàn giám sát làm việc với đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát.
- Đoàn giám sát hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến (*trong tháng 6 năm 2023*).
- Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh, Đoàn giám sát tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát, trình HĐND tỉnh xem xét tại Kỳ họp gần nhất (trên cơ sở kết quả giám sát, trong trường hợp cần ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về chuyên đề giám sát, Đoàn giám sát phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh để trình kỳ họp).

Đoàn giám sát thông báo đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và tổ chức thực hiện theo Kế hoạch này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Mục II, IV;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh;
- LĐ VP. ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng CT HĐND; HC-TC-QT;
- Trang Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, TM.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT  
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH  
Dương Huỳnh Khải**

## ĐỀ CƯƠNG

### **Báo cáo giám sát kết quả triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 08/KH-ĐGS, ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**(Mốc thời gian báo cáo từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2023)**

## **I. ĐỐI VỚI UBND TỈNH, UBND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

### **1. Đặc điểm tình hình**

- Nêu đặc điểm tình hình địa phương (*diện tích, dân số, đặc điểm dân cư, cơ cấu kinh tế - xã hội, hệ thống chính trị*).

- Đánh giá khái quát công tác triển khai thực hiện và kết quả đạt được trong việc xây dựng nông thôn mới (NTM) trên địa bàn tỉnh đến cuối năm 2019.

Lưu ý: Chỉ nêu khái quát về công tác triển khai thực hiện; nêu cụ thể số xã đạt chuẩn (*riêng đối với cấp xã báo cáo việc đạt chuẩn NTM hay chưa, số tiêu chí đạt, chưa đạt*), số tiêu chí bình quân; việc thực hiện đạt hay không đạt theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra; đánh giá thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Đánh giá khái quát những thuận lợi, khó khăn trong việc tiếp tục triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM ở địa phương từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2023.

### **2. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Chương trình**

#### **a) Giai đoạn tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2022**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM theo Quyết định số 705/QĐ-UBND, ngày 13/4/2017 của UBND tỉnh ban hành Bộ Tiêu chí về xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 – 2020 (*Quyết định số 705/QĐ-UBND*) và Quyết định số 1419/QĐ-UBND, ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh ban hành Bộ Tiêu chí về xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2019 – 2020 (*Quyết định số 1419/QĐ-UBND*) và các văn bản có liên quan đến việc chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện xây dựng NTM theo bộ tiêu chí nêu trên.

#### **b) Giai đoạn tháng 03 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định số 2221/QĐ-UBND tỉnh ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh về Ban hành Bộ Tiêu chí xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 – 2025 (*Quyết định số 2221/QĐ-UBND*); Quyết định số 2222/QĐ-

UBND tỉnh ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh về Ban hành Bộ Tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 – 2025 (*Quyết định số 2222/QĐ-UBND*) và Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (*Quyết định số 1920/QĐ-UBND*) và các văn bản có liên quan đến việc chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện xây dựng NTM theo bộ tiêu chí nêu trên.

#### **Nội dung đánh giá của từng giai đoạn:**

- Việc củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo, bộ phận giúp việc của Chương trình xây dựng NTM. Việc nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM.

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nội dung xây dựng NTM.

- Công tác phối, kết hợp của các sở, ngành cấp tỉnh với UBND cấp huyện và giữa các ngành cấp huyện với UBND cấp xã trong việc triển khai thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn.

- Công tác kiểm tra, đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn NTM.

- Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong thực hiện các nội dung trên.

### **3. Công tác tuyên truyền, vận động**

*a) Giai đoạn tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2022*

*b) Giai đoạn tháng 03 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023*

#### **Nội dung cần đánh giá của từng giai đoạn:**

- Việc xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, vận động.

- Hình thức và nội dung tuyên truyền, vận động đã thực hiện.

- Kết quả đạt được trong công tác tuyên truyền, vận động; nhất là nhận thức, sự đồng thuận trong Nhân dân về xây dựng NTM.

### **4. Kết quả thực hiện Chương trình xây dựng NTM**

*a) Giai đoạn tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2022*

- Tổng số xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, xã chưa đạt chuẩn NTM trên địa bàn của năm 2020, năm 2021 theo Quyết định số 705/QĐ-UBND và Quyết định số 1419/QĐ-UBND (*có so sánh với giai đoạn trước*).

- Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình năm 2020, năm 2021:

- + Kết quả đạt chuẩn NTM.

- + Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình

- Kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về xã NTM theo Quyết định số 705/QĐ-UBND năm 2020, năm 2021 (*có so sánh với giai đoạn trước*).

- Kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao theo Bộ Tiêu chí của Quyết định số 1419/QĐ-UBND năm 2020, năm 2021 (*có so sánh với giai đoạn trước*).

- Nêu một số mô hình, cách làm hay sáng tạo của địa phương, của Nhân dân cần nhân rộng, nêu gương trong xây dựng NTM, NTM nâng cao.

***b) Giai đoạn tháng 03 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023***

- Tổng số xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, xã chưa đạt chuẩn NTM trên địa bàn của năm 2022 theo Quyết định số 705/QĐ-UBND và Quyết định số 1419/QĐ-UBND (*có so sánh với năm trước*).

- Tổng số xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao theo Quyết định số 2221/QĐ-UBND và Quyết định số 2222/QĐ-UBND. So sánh với kết quả thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-UBND và Quyết định số 1419/QĐ-UBND (giảm bao nhiêu xã (ấp – đối với Báo cáo của cấp xã) và thiếu hụt giữa bộ tiêu chí cũ và bộ tiêu chí mới bao nhiêu tiêu chí...).

- Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình theo Bộ Tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025:

+ Kết quả đạt chuẩn NTM.

+ Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình.

- Kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021 - 2025:

+ Về quy hoạch (*tiêu chí 1*).

+ Về hạ tầng kinh tế - xã hội (*tiêu chí 2 đến 9*).

+ Về kinh tế và tổ chức sản xuất (*tiêu chí 10 đến 13*).

+ Về Văn hóa – Xã hội – Môi trường (*tiêu chí 14 đến 17*).

+ Về hệ thống chính trị (*tiêu chí 18 đến 19*).

*Lưu ý: Từng nhóm tiêu chí có so sánh với kết quả thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-UBND.*

- Kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (*nêu cụ thể kết quả thực hiện 19 tiêu chí*). *Lưu ý: Từng nhóm tiêu chí có so sánh với kết quả thực hiện theo Quyết định số 1419/QĐ-UBND.*

- Kết quả thực hiện cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

- Nêu một số mô hình, cách làm hay, sáng tạo của địa phương, của nhân dân cần nhân rộng, nêu gương trong xây dựng NTM, NTM nâng cao.

**5. Kết quả thực hiện về nguồn vốn năm 2020, năm 2021, năm 2022**

- Về lập kế hoạch, phân bổ ngân sách và thực hiện dự toán. Thuận lợi và khó khăn, nguyên nhân khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.



- Việc huy động, quản lý các nguồn vốn ngoài ngân sách. Thuận lợi và khó khăn, nguyên nhân khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.
- Tổng số nguồn vốn từng năm bao nhiêu, trong đó:
  - + Vốn ngân sách bao nhiêu, chiếm bao nhiêu phần trăm (%).
  - . Vốn ngân sách TW.
  - . Vốn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã).
  - . Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án.
  - + Vốn doanh nghiệp bao nhiêu, chiếm bao nhiêu phần trăm (%).
  - + Vốn tín dụng bao nhiêu, chiếm bao nhiêu phần trăm (%).
  - + Vốn nhân dân đóng góp bao nhiêu (*quy đổi thành tiền*), chiếm bao nhiêu phần trăm (%).

## **6. Kết quả sử dụng nguồn lực xây dựng NTM năm 2020, năm 2021, năm 2022**

- Đầu tư xây dựng hạ tầng.
- Hỗ trợ đào tạo nghề.
- Hỗ trợ tập huấn, nâng cao năng lực.
- Chuyên gia khoa học công nghệ.
- Hỗ trợ khác.

## **7. Nợ đọng xây dựng nông thôn mới năm 2020, năm 2021, năm 2022.**

**8. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình** (*hình thức, số cuộc, kết quả kiểm tra, khắc phục hạn chế*).

**a) Giai đoạn tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2022.**

**b) Giai đoạn tháng 03 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023.**

## **9. Đánh giá chung**

**a) Ưu điểm**

**b) Hạn chế**

Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn, vướng mắc (*đi sâu đánh giá việc triển khai, thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025*):

- Việc triển khai thực hiện, sự đồng thuận trong cán bộ, Đảng viên và Nhân dân.
- Các văn bản chỉ đạo, các tiêu chí, chỉ tiêu của Trung ương, tỉnh, huyện, sở, ngành.
- Trong thực hiện các tiêu chí thì những tiêu chí nào khó thực hiện nhất, nguyên nhân.
- Các địa phương, địa bàn nào khó thực hiện, nêu cụ thể.

- Về cơ chế quản lý, điều hành, bộ máy hành chính, con người.
- Về chính sách, nguồn lực, điều kiện thực hiện.
- Về công tác phối hợp giữa các ngành chức năng và giữa bộ máy hành chính nhà nước với xã hội, Nhân dân.

Trong nội dung đánh giá cần đi sâu đánh giá, phân tích những khó khăn, hạn chế, bất cập và có thể nêu bổ sung thêm những khó khăn, hạn chế, vướng mắc mà đề cương chưa nêu.

**c) Nguyên nhân thuận lợi, khó khăn, giải pháp (chủ quan, khách quan, giải pháp khắc phục)**

**10. Nhiệm vụ, phương hướng xây dựng NTM thời gian tới**

- Mục tiêu cụ thể:
  - + Số xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (*trong đó cần dự báo đánh giá khả năng thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ đến năm 2025*).
  - + Dự kiến nguồn lực thực hiện.
- Một số nhiệm vụ, giải pháp thực hiện.

**11. Kiến nghị, đề xuất**

- Nêu cụ thể kiến nghị nội dung gì, đến cơ quan nào.
- Nghiên cứu có thể đề xuất 01 cơ chế, chính sách riêng của tỉnh để huy động nguồn lực thực hiện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, NTM nâng cao của tỉnh.

**II. ĐỐI VỚI CÁC SỞ, NGÀNH, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**

(*Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; Sở Giao thông - Vận tải; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài nguyên và Môi trường; Công an tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh*).

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phụ trách, đề nghị các đơn vị xây dựng Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nội dung gợi ý và có thể bổ sung các nội dung khác (*nếu có*).

**1. Công tác tham mưu, triển khai, quán triệt thực hiện**

**a) Giai đoạn tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2022**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM theo Quyết định số 705/QĐ-UBND, Quyết định số 1419/QĐ-UBND và các văn bản có liên quan đến việc chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện xây dựng NTM theo bộ tiêu chí nêu trên.

**b) Giai đoạn tháng 03 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định số 2221/QĐ-UBND, Quyết định số

2222/QĐ-UBND tỉnh, Quyết định số 1920/QĐ-UBND và các văn bản có liên quan đến việc chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện xây dựng NTM theo bộ tiêu chí nêu trên.

**Nội dung báo cáo của từng giai đoạn:**

- Xác định chức năng, nhiệm vụ được giao trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM (liệt kê cụ thể các nhiệm vụ).

- Việc quán triệt trong nội bộ đơn vị, ngành trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, phụ trách.

- Kết quả công tác tham mưu, phối hợp, hướng dẫn thực hiện các nội dung được giao phụ trách.

- Công tác triển khai, quán triệt, tuyên truyền vận động và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách.

- Công tác phối hợp chỉ đạo, đánh giá, thẩm định, công nhận các tiêu chí; mức độ bền vững của các tiêu chí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách.

- Về tình hình huy động nguồn lực xây dựng NTM liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách.

**2. Kết quả thực hiện**

***a) Giai đoạn tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2022***

- Kết quả thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-UBND liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách năm 2020, năm 2021 *(có so sánh với giai đoạn trước)*.

- Kết quả thực hiện theo Quyết định số 1419/QĐ-UBND liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách năm 2020, năm 2021 *(có so sánh với giai đoạn trước)*.

- Nêu một số mô hình, cách làm hay, sáng tạo của địa phương, của Nhân dân cần nhân rộng, nêu gương trong xây dựng NTM, NTM nâng cao liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách.

***b) Giai đoạn tháng 03 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023***

- Kết quả thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-UBND, liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách năm 2022 *(có so sánh với năm trước)*.

- Kết quả thực hiện theo Quyết định số 1419/QĐ-UBND, liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách năm 2022 *(có so sánh với giai đoạn trước)*.

- Kết quả thực hiện theo Quyết định số 2221/QĐ-UBND, liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách. So sánh với kết quả thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-UBND.

- Kết quả thực hiện theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND, liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách. So sánh với kết quả thực hiện theo Quyết định số 1419/QĐ-UBND.

- Nêu một số mô hình, cách làm hay sáng tạo của địa phương, của Nhân dân cần nhân rộng, nêu gương trong xây dựng NTM, NTM nâng cao liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách.

***Lưu ý:** Đối với từng tiêu chí cần đánh giá kết quả đạt được, những cách làm hay mang lại hiệu quả thiết thực, đi sâu phân tích những gợi ý theo yêu cầu trên; đồng thời, chỉ ra những hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc dẫn đến khó đạt các tiêu chí, duy trì tính bền vững, tính khả thi và làm rõ nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị cụ thể đối với từng tiêu chí.*

### **3. Đánh giá chung**

- Kết quả đạt được.

- Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân (*khách quan, chủ quan*).

- Giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế; kinh nghiệm rút ra.

### **4. Định hướng thực hiện CTMTQG xây dựng NTM, NTM nâng cao giai đoạn tiếp theo liên quan đến lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách**

#### **5. Đề xuất, kiến nghị**

- Đối với cơ quan Trung ương: Kiến nghị rõ sửa đổi tại điều, khoản, điểm của văn bản nào, lý do.

- Đối với cơ quan cấp tỉnh: Đề xuất kiến nghị Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nhằm kịp thời xử lý những vấn đề bất cập, góp phần nâng cao hiệu quả và tiến độ thực hiện Chương trình; định hướng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, NTM nâng cao trong giai đoạn tiếp theo.

## **III. ĐỐI VỚI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** (*cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình*)

### **1. Khái quát chung:**

- Đánh giá khái quát công tác triển khai thực hiện và kết quả đạt được trong việc xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh đến cuối năm 2019 (*nêu khái quát về công tác triển khai thực hiện; nêu cụ thể số xã đạt chuẩn, số tiêu chí bình quân; việc thực hiện đạt hay không đạt theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra; đánh giá thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện*).

- Đánh giá khái quát những thuận lợi, khó khăn trong việc tiếp tục triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM ở địa phương từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2023.

### **2. Công tác tham mưu thực hiện chương trình**

#### **a) Giai đoạn tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2022**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, NTM nâng cao theo Quyết định số 705/QĐ-UBND, Quyết định số 1419/QĐ-UBND và các văn bản có liên quan đến việc chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện xây dựng NTM theo bộ tiêu chí nêu trên.

***b) Giai đoạn tháng 03 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023***

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định số 2221/QĐ-UBND, Quyết định số 2222/QĐ-UBND tỉnh, Quyết định số 1920/QĐ-UBND và các văn bản có liên quan đến việc chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện xây dựng NTM theo bộ tiêu chí nêu trên.

**Nội dung đánh giá của từng giai đoạn:**

- Xác định chức năng, nhiệm vụ được giao trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM (liệt kê cụ thể các nhiệm vụ).

- Việc quán triệt trong nội bộ đơn vị, ngành trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, phụ trách.

- Đánh giá kết quả công tác tham mưu, phối hợp, hướng dẫn thực hiện các nội dung được giao phụ trách.

- Công tác tham mưu và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng NTM. Trong đó, phân tích những hạn chế, vướng mắc trong việc tham mưu các chính sách, văn bản nêu trên, làm rõ nguyên nhân hạn chế, vướng mắc.

- Đánh giá công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện chương trình của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Đánh giá tình hình thực hiện chính sách của Trung ương và tỉnh đã ban hành để thực hiện chương trình NTM trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

- Công tác tuyên truyền, vận động: Đánh giá tình hình tổ chức thực hiện và hiệu quả mang lại.

- Công tác tổ chức, bộ máy: Đánh giá bộ máy chỉ đạo, giúp việc cấp huyện, cấp xã thực hiện Chương trình.

- Công tác phối hợp chỉ đạo, đánh giá, thẩm định, công nhận các tiêu chí; mức độ bền vững của các tiêu chí của CTMTQG xây dựng NTM.

**2. Kết quả thực hiện Chương trình**

***a) Giai đoạn tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2022***

- Tổng số xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao; xã chưa đạt chuẩn NTM trên địa bàn của năm 2020, năm 2021 theo Quyết định số 705/QĐ-UBND và Quyết định số 1419/QĐ-UBND (*có so sánh với giai đoạn trước*).

- Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình năm 2020, năm 2021:

+ Kết quả đạt chuẩn NTM.

+ Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình.

- Kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về xã NTM theo Quyết định số 705/QĐ-UBND năm 2020, năm 2021 (*có so sánh với giai đoạn trước*).

- Kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao theo Quyết định số 1419/QĐ-UBND năm 2020, năm 2021 (*có so sánh với giai đoạn trước*).

- Nêu một số mô hình, cách làm hay, sáng tạo của địa phương, của Nhân dân cần nhân rộng, nêu gương trong xây dựng NTM, NTM nâng cao.

***b) Giai đoạn tháng 03 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023***

- Tổng số xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, xã chưa đạt chuẩn NTM trên địa bàn của năm 2022 theo Bộ Tiêu chí của Quyết định số 705/QĐ-UBND và Quyết định số 1419/QĐ-UBND (*có so sánh với năm trước*).

- Tổng số xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, theo Quyết định số 2221/QĐ-UBND và Quyết định số 2222/QĐ-UBND. So sánh với kết quả thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-UBND và Quyết định số 1419/QĐ-UBND (giảm bao tiêu xã (ấp – đối với Báo cáo của cấp xã) và thiếu hụt giữa bộ tiêu chí cũ và bộ tiêu chí mới bao nhiêu tiêu chí...).

- Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình theo Bộ Tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025:

+ Kết quả đạt chuẩn NTM.

+ Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình

- Kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025:

\* Kết quả thực hiện theo Quyết định số 2221/QĐ-UBND, theo các nhóm sau:

+ Công tác quy hoạch (*tiêu chí số 1*), trong đó, đi sâu đánh giá chất lượng quy hoạch, quản lý xây dựng nông thôn theo quy hoạch ở các xã.

+ Hạ tầng kinh tế - xã hội (*tiêu chí số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9*); trong đó, đi sâu đánh giá hiệu quả mang lại, tính đồng bộ giữa các kết cấu hạ tầng của các xã xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh; nguồn lực đầu tư; việc quản lý, duy tu và bảo dưỡng các công trình hạ tầng.

+ Về kinh tế và tổ chức sản xuất (*tiêu chí số 10, 11, 12, 13*); trong đó, đi sâu đánh giá: (1) việc chuyển đổi mô hình hoạt động, thành lập, phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới theo Luật hợp tác xã năm 2012; phát triển các tổ hợp tác; (2) việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao; (3) việc giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, giảm nghèo; (4) việc bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống (nếu có).

+ Về Văn hóa – Xã hội – Môi trường (*tiêu chí số 14, 15, 16, 17*).

+ Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị (*tiêu chí số 18, 19*).

*Lưu ý: Từng nhóm tiêu chí có so sánh với kết quả thực hiện theo Quyết định số 705/QĐ-UBND.*

- Kết quả thực hiện theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND (nêu cụ thể kết quả thực hiện 19 tiêu chí). Lưu ý: Từng nhóm tiêu chí có so sánh với kết quả thực hiện theo Quyết định số 1419/QĐ-UBND.

- Cơ chế điều hành, kết hợp giữa các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương trong quản lý thực hiện Chương trình.

*Lưu ý: Đối với từng tiêu chí cần đánh giá kết quả đạt được, những cách làm hay mang lại hiệu quả thiết thực, đi sâu phân tích những gợi ý theo yêu cầu trên, đồng thời chỉ ra những hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc dẫn đến khó đạt các tiêu chí, duy trì tính bền vững, tính khả thi và làm rõ nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị cụ thể đối với từng tiêu chí.*

**3. Về tình hình huy động nguồn lực xây dựng NTM:** Nêu những nguồn vốn liên quan đơn vị phụ trách trong từng năm 2020, năm 2021, năm 2022, năm 2023 (tổng nguồn, giải ngân). Đánh giá công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn; những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân. Báo cáo, làm rõ tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản cụ thể từng nguồn vốn và kết quả xử lý nợ đọng (nếu có).

**4. Đánh giá chung (về vai trò của cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình)**

- Kết quả đạt được.

- Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân (khách quan, chủ quan).

- Giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế; bài học kinh nghiệm.

**5. Định hướng thực hiện CTMTQG xây dựng NTM, NTM nâng cao giai đoạn tiếp theo.**

**6. Đề xuất, kiến nghị**

- Đối với cơ quan Trung ương: Đề xuất kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan... (kiến nghị cụ thể sửa đổi tại điều, khoản, điểm của văn bản nào, lý do).

- Đối với cơ quan cấp tỉnh: Đề xuất, kiến nghị Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nhằm kịp thời xử lý những vấn đề bất cập, góp phần nâng cao hiệu quả và tiến độ thực hiện Chương trình; định hướng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, NTM nâng cao trong giai đoạn tiếp theo./.









**PHỤ LỤC 4**  
**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**  
**CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

<b>Stt</b>	<b>Nội dung chỉ tiêu</b>	<b>Kế hoạch năm 2021</b>	<b>Kết quả huy động năm 2021</b>	<b>Kế hoạch năm 2022</b>	<b>Kết quả huy động năm 2022</b>	<b>Kế hoạch năm 2023</b>
<b>I</b>	<b>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>					
1						
2						
<b>II</b>	<b>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>					
1						
2						
3						
<b>III</b>	<b>VỐN LÒNG GHÉP</b>					
<b>IV</b>	<b>VỐN TÍN DỤNG</b>					
<b>V</b>	<b>VỐN DOANH NGHIỆP</b>					
<b>VI</b>	<b>CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ</b>					
<b>VII</b>	<b>VỐN KHÁC</b>					